

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 69 ngày 12/200.19
	CƠ QUAN
	Lãnh đạo CC
	Phòng: một cấp
Sao: <i>vr</i>	

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số 01/ BKHC/ 2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu- Nhà máy bánh kẹo Hải Châu**

Địa chỉ: Khu Đồng Thủy- thôn Đông Khúc- xã Vĩnh Khúc- huyện Văn Giang- tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: (84- 221) -3788283/3730373 Fax: (84- 221)-3997733/3788008

E-mail: phongkdtthaichau@gmail.com

Mã số chi nhánh : 0100114184-011

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP : 254/2017/NNPTNT-0321. Ngày cấp: 10 tháng 6 năm 2017. Nơi cấp : Chi cục quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm :

1. Tên sản phẩm : **Bánh quy Hương Thảo**

2. Thành phần: Bột mỳ, đường, dầu thực vật, sữa bột, chất tạo xốp(500ii, 503ii), muối, chất nhũ hoá(322), hương liệu tổng hợp, phẩm màu thực phẩm (E102, E110)...

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm : 1 Năm kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì :

- Chất liệu bao bì: OPP/PP hoặc OPP/MCPP

- Quy cách đóng gói: (65g, 80g, 90g, 100g, 110g, 120g, 150g, 160g, 170g, 180g, 190g, 200g, 215g, 220g, 225g, 240g, 250g, 260g, 265g, 270g, 275g, 280g, 300g, 315g, 320g, 350g, 400g, 500g, 600g, 700g, 800g, 850g, 900g, 950g, 1000g, 1050g, 1100g, 1150g, 1200g, 1250g, 1300g) / gói (hộp).

5. Sản xuất tại :

Địa chỉ sản xuất : Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu). Địa chỉ: Khu Đồng Thủy, thôn Đông Khúc, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Điện thoại: (84-221)-3788283/3730373. Fax: (84-221) -3997733/3788008

III. Mẫu nhãn sản phẩm : (có nội dung nhãn dự thảo đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm :

- Theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”.
- Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Theo văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y Tế về thông tư hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- Theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Thủ tướng chính phủ ban hành về “nhãn hàng hóa”
- Theo tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất đính kèm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố. *lu*

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hội





Nội dung nhãn dự thảo

- Sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu

Địa chỉ: 15 Mạc Thị Bưởi - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-24) -38621520 /36365592

Fax: (84-24) -38621520/36365594

- Địa chỉ sản xuất : Chi nhánh công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu (Nhà máy bánh kẹo Hải Châu). Địa chỉ: Khu Đồng Thủy, thôn Đông Khúc, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: (84-221)-3788283/3730373.

Fax: (84-221) -3997733/3788008

- Tên sản phẩm : **Bánh Quy Hương Thảo**

- Thành phần: Bột mỳ, đường, dầu thực vật, sữa bột, chất tạo xốp(500ii, 503ii), muối, chất nhũ hoá(322), hương liệu tổng hợp, phẩm màu thực phẩm (E102, E110)...

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- Hàm lượng glucit : 70-80g%
- Hàm lượng protein: 5-10g%
- Hàm lượng lipit: 8-18g%

- Độc quyền nhãn hiệu hàng hoá số: 39066-QĐ số 3195/QĐ-ĐK

- Khối lượng tịnh, ngày sản xuất, hạn sử dụng: in trên bao bì sản phẩm

- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản: Sản phẩm được sử dụng trực tiếp

- Bảo quản sản phẩm nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh sáng mặt trời.

- Hãy giữ sạch đường phố



Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

Trạng thái: bánh xốp giòn, có hình dạng theo khuôn mẫu, văn hoa rõ nét

- Màu sắc: từ màu vàng nâu đến màu vàng nhạt
- Mùi vị: có mùi thơm đặc trưng của sản phẩm

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	g%	≤ 5
2	Hàm lượng protein	g%	5-10
3	Hàm lượng glucit	g%	65-80
4	Hàm lượng lipit	g%	8-15

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	<i>E. Coli</i>	MNP/g	3
3	Coliforms	MNP/g	10
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10
7	TS bào tử nấm mốc, men	CFU/g	10^2

1.4. Hàm lượng kim loại nặng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$
2	Hàm lượng asen (As)	mg/kg	≤ 5
3	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

BẢN SAO

Số: 1810035/KQKN

Mã số: 1809199-2

Trang 1 | 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Địa chỉ: Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

Tên mẫu: **BÁNH QUY HƯƠNG THẢO**

Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm, chứa trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu: 24/09/2018

Thời gian thử nghiệm: 24/09 – 01/10/2018

Ngày trả kết quả: 01/10/2018

Kết quả: Xem trang 2/2

Ghi chú:

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2005

Chỉ tiêu số 15-19 có ngưỡng phát hiện = 10CFU/g

KPH: Không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện

(b): Chỉ tiêu được Cục An Toàn Thực Phẩm Bộ Y Tế chỉ định

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 6335 Ngày cấp: 02/10/2018

Phụ trách PTN

Ngày: 22-02-2019

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Liệu

Nguyễn Thị Hồng

CÔNG CHỨNG VIÊN

Dào Thị Xuyên

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc công ty TNHH DV KHCN Khuê Nam.



Số: 1810035/KQKN
Mã số: 1809199-2
Trang 2 | 2

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
01	Độ ẩm	%	1.59	AOAC 925.45(*)
02	Protein	%	9.36	AOAC 991.20 (*)
03	Lipid	%	12.5	Ref. AOAC 948.22(*)
04	Carbohydrate	%	73.5	TCVN 4594:1988(*)
05	Đường tổng	%	21.4	TCVN 4594:1988(*) (b)
06	Hàm lượng axit	ml NaOH 1N/100g	0.54	TCVN 4589:1988(*) (b)
07	Phản ứng Kreiss	-	Âm tính	KN/QTTN.H03 (TK.KNLTTP) (*) (b)
08	Kali Sorbate	mg/kg	KPH (LOD=10)	Ref.TCVN 8122:2009
09	Aspartame	mg/kg	KPH (LOD=100)	TCVN 8471:2010
10	Arsen (As)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 986.15 (*) (b)
11	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11 (*) (b)
12	Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 999.11 (*) (b)
13	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD=0.01)	AOAC 971.21 (*)
14	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	5.0x10 ¹	ISO 4833-1:2013 (*) (b)
15	Coliforms	CFU/g	Không phát hiện	ISO 4832:2006 (*) (b)
16	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	Không phát hiện	ISO 7937:2004 (*) (b)
17	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	Không phát hiện	AOAC 975.55 (*)
18	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	Không phát hiện	ISO 7932:2004 (*) (b)
19	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	Không phát hiện	ISO 21527-2:2008 (*) (b)
20	<i>Escherichia Coli</i>	MPN/g	0	ISO 16649-3:2015 (*)